

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:02/2020/KDTM-PT

Ngày 12-5-2020

“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Viết Nam;

Ông Lê Thiết Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Ông Lê Xuân An – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2020/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc “ *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2019/QĐPT-KDTM ngày 07 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần TV, địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Phương N, cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP TV chi nhánh Quảng Trị – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 08/2019/UQ-VPB ngày 10/12/2019); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị T, đều trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn Quốc, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

3.2. Bà Trần Thị Hồng, địa chỉ: Số 15 đường Lê Phụng H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần TV- Là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần TV trình bày:

Ngày 10/10/2017, vợ chồng ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị T vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần TV(VPBank) – Chi nhánh Quảng Trị theo hợp đồng tín dụng số LN1709070224679/QTI/HĐTD với số tiền là 840.000.000 đồng; thời hạn vay: 72 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Mua 03 Sơ mi rơ móc tải CIMC/THT số loại THT9402CLX03 (ZJV9405CLXDY) mới 100%. Các kỳ hạn trả nợ: Trả nợ gốc và trả nợ lãi định kỳ 01 tháng /01 lần vào ngày 11 hàng tháng; lãi suất trong hạn: 9,4%/năm cố định trong 06 tháng đầu tiên, mức lãi suất này chỉ được áp dụng để tính lãi theo phương thức tính lãi quy định tại hợp đồng với một năm là 360 ngày, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,7%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tại khế ước nhận nợ lần 01 số LN1709070224679/QTI/HĐTD ký ngày 11/10/2017 vợ chồng ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị T đã nhận toàn bộ số tiền vay 840.000.000 đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần TV(VPBank) – Chi nhánh Quảng Trị.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nói trên là: Toàn bộ quyền sở hữu gồm 03 chiếc Sơ mi rơ móc, nhãn hiệu THT đều mang tên bà Nguyễn Thị T. Các tài sản này đã được Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Trị chứng nhận theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LN1709070224679/QTI/HĐTC ngày 10/10/2017 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/10/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc nhưng ông N, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông N, bà T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/11/2019 là 945.643.502 đồng; trong đó: Nợ gốc là 746.639.976 đồng, nợ lãi là 199.003.526 đồng và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 27/11/2019 cho đến ngày ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị T thanh toán hết nợ. Trường hợp ông N, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị cho phát mãi tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sở hữu gồm 03 chiếc Sơ mi rơ móc, nhãn hiệu THT đều mang tên bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận có vay số tiền như nguyên đơn trình bày. Sau khi vay Ngân hàng để mua 03 Sơ mi rơ móc tải và làm hợp đồng thế chấp tài sản thì bà T đã giao cả 03 chiếc Sơ mi rơ móc cho con trai ông N, bà T là anh Nguyễn Văn Q quản lý, sử dụng và kinh doanh. Quá trình kinh doanh anh Nguyễn Văn Q gặp khó khăn nên không gửi tiền về cho vợ chồng ông N, bà T trả nợ cho Ngân hàng. Trong 3 chiếc Sơ mi rơ móc nói trên hiện tại bà T được biết có 01 chiếc Sơ mi rơ móc mang biển số 74R-003.00 hiện tại đang do bà Trần Thị H quản lý, còn hai chiếc Sơ mi rơ móc còn lại hiện nay anh Q đang quản lý. Nay phía Ngân hàng Thương mại Cổ phần TV (VPBank) khởi kiện khoản tiền gốc và lãi nói trên bà T đồng ý trả số tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, hiện tại anh Q đang gặp khó khăn trong vấn đề kinh tế, việc làm ăn thua lỗ và hoàn cảnh vợ chồng ông N, bà T cũng đang rất khó khăn nên chưa có điều kiện để trả nợ cho Ngân hàng. Bà T đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp là ba chiếc Sơ mi rơ móc nói trên cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ gốc. Số tiền còn lại vợ chồng ông N, bà T sẽ cố gắng làm để dành dụm tiền trả nợ cho phía Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị T vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần TV (VPBank) – Chi nhánh Quảng Trị số tiền 840.000.000 đồng để mua 03 Sơ mi rơ móc tải như đại diện nguyên đơn trình bày. Sau khi ký hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp tài sản, ông N, bà T đã giao cho ông Q quản lý và sử dụng 03 Sơ mi rơ móc để kinh doanh. Tuy nhiên, do việc làm ăn gặp khó khăn nên ông Q không có tiền để gửi cho ông N, bà T trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận đã ký kết. Hiện nay, 01 chiếc Sơ mi rơ móc mang biển số 74R-003.00 ông Q đã giao cho bà Trần Thị H quản lý; còn chiếc Sơ mi rơ móc mang biển số 74R-003.03 và chiếc Sơ mi rơ móc mang biển số 74R-003.13 hiện đang do ông Q quản lý và sử dụng. Nay Ngân hàng thương mại cổ phần TV khởi kiện yêu cầu bố ông N, bà T phải trả tiền gốc và lãi số tiền đã vay, nhưng ông Q mong muốn Ngân hàng tạo điều kiện cho ông Q được giữ lại 3 chiếc Sơ mi rơ móc để ông Q tiếp tục kinh doanh để dành dụm tiền gửi về cho ông N, bà T trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:

Ngày 14/3/2018, ông Nguyễn Văn Q có vay của bà H 327.500.000 đồng và hẹn sau một tháng ông Q trả số tiền trên. Đến hạn, ông Q không trả nợ như cam kết nên ông Q mang đến giao cho bà H 02 chiếc sơ mi rơ móc trong đó 01 chiếc mang tên ông Nguyễn Văn Q và 01 chiếc mang tên bà Nguyễn Thị T và từ đó đến nay ông Q không trả tiền và lấy Sơ mi rơ móc. Nay Ngân hàng khởi kiện ông N, bà T trả nợ thì bà H đồng ý giao Sơ mi rơ móc biển kiểm soát 74R-003.00 mang tên Nguyễn Thị T để Ngân hàng xử lý, thu hồi nợ.

Bản án sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị xử quyết định:

Về Hợp đồng tín dụng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần TV(VPBank). Buộc vợ chồng Ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần TV(VPBank) theo Hợp đồng tín dụng số LN1709070224679/QTI/HĐTD ngày 10/10/2017 gồm số tiền gốc 746.639.976 đồng, số tiền lãi 199.003.526 đồng. Tổng cả gốc và lãi 945.643.502 đồng (lấy số tròn 945.643.000 đồng).

Về hợp đồng thế chấp tài sản: Áp dụng Điều 317, khoản 1 Điều 318; Điều 319; khoản 7 Điều 323; Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015: Tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số LN1709070224679/QTI/HĐTC ngày 10/10/2017 đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần TV(VPBank) - Chi nhánh Quảng Trị với ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị T có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp vợ chồng ông Nguyễn N, bà T không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần TV(VPBank) có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Trị phát mãi tài sản đã thế chấp của vợ chồng ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị T gồm: Sơ mi rơ móc, nhãn hiệu THT; số khung: 2389F2006768 mang biển kiểm soát số 74R-003.00 theo giấy chứng nhận đăng ký Rơ móc, Sơ mi rơ móc số 000180 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 09/10/2017 mang tên bà Nguyễn Thị T hiện do bà Trần Thị Hằng quản lý. Sơ mi rơ móc, nhãn hiệu THT; số khung: 2389F2006771 mang biển kiểm soát số 74R-003.03 theo giấy chứng nhận đăng ký Rơ móc, Sơ mi rơ móc số 000179 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 09/10/2017 và Sơ mi rơ móc, nhãn hiệu THT; số khung: 2387F2006767 mang biển kiểm soát số 74R-003.13 theo giấy chứng nhận đăng ký Rơ móc, Sơ mi rơ móc số 000182 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 09/10/2017 đều mang tên Nguyễn Thị Thảo hiện do ông Nguyễn Văn Qđang quản lý.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định tại chỗ, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn Ngân hàng TMCP TV kháng cáo một phần bản án với lý do:

Tòa án cấp sơ không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là buộc Ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà phía Ngân hàng đã nộp làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và buộc ông N, bà T phải thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách người tham gia tố tụng. Tiến hành thu thập, kiểm tra giao nộp, công khai chứng cứ, thủ tục hòa giải, xem xét thẩm định tại chỗ và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng quy định.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Điều 64 BLTTDS; trình tự, thủ tục phiên tòa đảm bảo; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 51 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam TV, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Ngân hàng phải chịu số tiền chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 3.044.000 đồng, nhưng phần Quyết định của bản án không tuyên buộc Ngân hàng TMCP TV phải chịu số tiền 3.044.000 đồng chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là thiếu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cần sửa bản án sơ thẩm về chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP TV khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn số tiền 945.643.502 đồng do vi phạm hợp đồng tín dụng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Tại khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng có thể được thực hiện nếu có yêu cầu của các đương sự khác. Trong trường hợp này, lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do đương sự có yêu cầu thông báo chịu*”. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Ngân hàng phải chịu số tiền chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 3.044.000 đồng là có căn cứ và kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, phần Quyết định của bản án không tuyên buộc Ngân hàng TMCP TV phải chịu số tiền 3.044.000 đồng chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là thiếu sót. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần sửa bản án sơ thẩm về chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

[3] Từ phân tích, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP TV và sửa bản án sơ thẩm về chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP TV phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm số tiền 2.000.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần TV và sửa bản án sơ thẩm về phần chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Áp dụng khoản 2 Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317; khoản 1 Điều 318; Điều 319; khoản 7 Điều 323; Điều 299; Điều 463; Điều 465; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần TV(VPBank). Buộc vợ chồng Ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần TV(VPBank) theo Hợp đồng tín dụng số LN1709070224679/QTI/HĐTD ngày 10/10/2017 tổng số tiền gốc và lãi là 945.643.502, trong đó: Số tiền gốc 746.639.976 đồng và số tiền lãi 199.003.526 đồng.

Tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số LN1709070224679/QTI/HĐTC ngày 10/10/2017 đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần TV(VPBank) - Chi nhánh Quảng Trị với ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị T có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông Nguyễn N, bà T không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần TV(VPBank) có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Trị phát mãi tài sản đã thế chấp của vợ chồng ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị T gồm: Sơ mi rơ móc, nhãn hiệu THT; số khung: 2389F2006768 mang biển kiểm soát số 74R-003.00 theo giấy chứng nhận đăng ký Rơ móc, Sơ mi rơ móc số 000180 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 09/10/2017 mang tên bà Nguyễn Thị T hiện do bà Trần Thị Hằng quản lý. Sơ mi rơ móc, nhãn hiệu THT; số khung: 2389F2006771 mang biển kiểm soát số 74R-003.03 theo giấy chứng nhận đăng ký Rơ móc, Sơ mi rơ móc số 000179 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 09/10/2017 và Sơ mi rơ móc, nhãn hiệu THT; số khung: 2387F2006767 mang biển kiểm soát số 74R-003.13 theo giấy chứng nhận đăng ký Rơ móc, Sơ mi rơ móc số 000182 do Phòng Cảnh sát giao

thông Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 09/10/2017 đều mang tên Nguyễn Thị T hiện do ông Nguyễn Văn Q đang quản lý.

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Nguyên đơn phải chịu số tiền 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và số tiền 3.044.000 đồng chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2014/0004534 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Trị. Ngân hàng TMCP TV đã nộp đủ.

3. Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu: VP Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Viết Nam

Lê Thiết Hùng

Nguyễn Thị Thu Hà

